

BÁO CÁO

Tổng kết công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của ngành Y tế năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020

Phần I

KẾT QUẢ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2019

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

1. Về xây dựng, phát triển tổ chức mạng lưới

- Tuyến tỉnh: Sở Y tế có 01 công chức Phòng Nghiệp vụ Y kiêm nhiệm làm công tác quản lý an toàn thực phẩm (ATTP). Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh có tổng số 12 người làm công tác quản lý ATTP.

- Tuyến huyện: Hiện nay, Phòng Y tế có 01 chuyên trách làm công tác ATTP; Trung tâm Y tế có 01 chuyên trách làm công tác ATTP.

- Tuyến xã: Mỗi Trạm Y tế có 01 viên chức kiêm nhiệm về ATTP.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP:

Sở Y tế đã tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP ban hành các văn bản để chỉ đạo điều hành công tác ATTP của tỉnh như:

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 4481/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Canh Tý và mùa Lễ hội Xuân 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP đã ban hành: Kế hoạch số 28/KH-BCĐ ngày 03/4/2019 về việc thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019; Kế hoạch số 29/KH-BCĐ ngày 04/4/2019 về việc tổ chức Hội nghị triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 89/KH-BCĐ ngày 11/12/2019 về việc thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và mùa Lễ hội Xuân năm 2020.

b) Sở Y tế:

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ATTP thuộc lĩnh vực ngành Y tế, Sở Y tế đã ban hành các văn bản như: Quyết định số 155/QĐ-SYT ngày 15/01/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của ngành Y tế năm 2019; Quyết định số 495/QĐ-SYT ngày 03/4/2019 về việc thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019; Quyết định số 749/QĐ-SYT ngày 06/5/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước của Dự án 8-Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế (An toàn thực phẩm) thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2019; Quyết định 750/QĐ-SYT ngày 06/5/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước của Dự án 4 - An toàn thực phẩm thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2019; Quyết định số 1389/QĐ-SYT ngày 23/8/2019 về việc thanh tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2019; Quyết định số 1821/QĐ-SYT ngày 04/12/2019 về việc Phê duyệt Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm chuyên ngành về ATTP năm 2020... và nhiều văn bản chỉ đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các hoạt động bảo đảm ATTP phục vụ Tết Nguyên đán, “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”, Tết Trung thu và các dịp lễ hội, mùa hè, mùa mưa lũ, các sự kiện lớn trong năm.

c) Cấp huyện, xã:

Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP các huyện đã xây dựng các văn bản chỉ đạo, triển khai kịp thời các hoạt động bảo đảm ATTP trên địa bàn quản lý; Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) đã tăng cường công tác kiểm tra về ATTP trong năm 2019 trên địa bàn. 11/11 huyện và 159/159 xã của tỉnh có Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. Thống kê quản lý cơ sở

- Các địa phương đều có danh sách thống kê, phân loại, cập nhật thông tin cơ sở thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

- Đa số cơ sở thực phẩm trên địa bàn có quy mô nhỏ, hộ gia đình, kinh doanh thức ăn đường phố. Các cơ sở thực phẩm có đăng ký kinh doanh được thống kê, cập nhật kịp thời, quản lý tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, bếp ăn tập thể trong các xí nghiệp, nhà máy còn phát triển tự phát, cơ sở thức ăn đường phố và các cơ sở thực phẩm nhỏ lẻ không đăng ký kinh doanh thường xuyên biến động, rất khó thống kê, cập nhật kịp thời nên vấn đề kiểm soát hoạt động của các cơ sở này còn nhiều khó khăn. Số cơ sở kinh doanh căn tin, bếp ăn tập thể, chế biến xuất ăn sẵn, nhà hàng trong khách sạn và dịch vụ nấu ăn lưu động hiện có khoảng 939 cơ sở (*tuyến tỉnh 133 cơ sở, tuyến huyện 379 cơ sở, tuyến xã 427 cơ sở*), số cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố là 5.227 cơ sở.

Bảng 1. Thông tin chung về cơ sở thực phẩm

Loại hình cơ sở	Tuyến xã	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh	Tổng cộng
Sản xuất, chế biến	-	-	308	308
Kinh doanh thực phẩm	-	-	452	452
Dịch vụ ăn uống	5.654	1.533	385	7.572
Cộng	5.654	1.533	1.145	8.332

2. Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

Số cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP là 1.714 cơ sở (*tuyến tỉnh 560 cơ sở, tuyến huyện 1.154 cơ sở*). Trong năm 2019, đã cấp mới 316 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (*tuyến tỉnh 141 cơ sở, tuyến huyện 175 cơ sở*), lũy cấp 1.313/1.714 cơ sở, chiếm tỉ lệ 76,6% (*tuyến tỉnh 533/560 cơ sở, tỉ lệ 95,2%; tuyến huyện 780/1.154 cơ sở, tỉ lệ 67,6%*).

Bảng 2. Kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

STT	Loại hình	Chứng nhận	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh	Tổng cộng
1	Sản xuất	Cấp mới	/	84	84
2		Luỹ cấp/Tổng số	/	290/308	290/308
3		Tỷ lệ %	/	94,2	94,2
4	Dịch vụ ăn uống	Cấp mới	175	57	232
5		Luỹ cấp/Tổng số	780/1.154	243/252	1.023/1.406
6		Tỷ lệ %	67,6	96,4	72,8
7	Tổng cộng	Cấp mới	175	141	316
8		Luỹ cấp	780/1.154	533/560	1.313/1.714
9		Tỷ lệ %	67,6	95,2	76,6

Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP do tuyến tỉnh quản lý được triển khai tốt, tỷ lệ cấp đạt chỉ tiêu đề ra. Đa số cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận tuyến tỉnh đều được hoàn tất các thủ tục liên quan trước khi sản xuất, kinh doanh. Điều kiện vệ sinh ATTP của các cơ sở được duy trì, cải thiện đáng kể; ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP của chủ cơ sở ngày càng nâng cao.

Tuy nhiên, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP ở tuyến huyện chưa cao và không đạt chỉ tiêu đề ra. Các huyện: Quy Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh, An Nhơn, Phù Cát, Hoài Ân, An Lão có tỷ lệ cấp dưới 50%.

3. Hoạt động cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Giấy xác nhận nội dung quảng cáo

Đã cấp 07 giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm; 03 giấy xác nhận nội dung quảng cáo và tiếp nhận 458 bản tự công bố của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về ATTP

a) Tuyến tỉnh:

- Tổ chức 19 đoàn thanh, kiểm tra; trong đó có 09 đoàn thanh, kiểm tra liên ngành, thành phần đoàn gồm các Sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh,...; đã tiến hành thanh tra tại các cơ sở thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh vào các chiến dịch: Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu 2019.

Thanh, kiểm tra chuyên ngành của Chi cục ATVSTP đã tổ chức 10 đoàn; thanh, kiểm tra thường xuyên tại các cơ sở thuộc ngành Y tế quản lý. Các đoàn đã thanh, kiểm tra 227 cơ sở, kết quả có 212 cơ sở đạt (*tỉ lệ 93,4 %*), vi phạm 15 cơ sở (*tỉ lệ 6,6%*), phạt tiền 15 cơ sở với tổng số tiền phạt 44.000.000 đồng.

b) Tuyến huyện, xã:

Công tác kiểm tra ATTP đã được duy trì trong các đợt cao điểm và theo kế hoạch thường xuyên ở tuyến huyện, tuyến xã, cụ thể:

- Tuyến huyện: đã tổ chức 46 đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra 1.023 cơ sở, kết quả có 956 cơ sở đạt (*tỉ lệ 93,5%*), vi phạm 67 cơ sở (*tỉ lệ 6,5%*), phạt tiền 31 cơ sở với tổng số tiền phạt 111.100.000 đồng; nhắc nhở, không xử lý vi phạm 36 cơ sở (*tỉ lệ 3,5%*).

- Tuyến xã: đã tổ chức 516 đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra 4.522 cơ sở, kết quả có 4.319 cơ sở đạt (*tỉ lệ 95,5%*), vi phạm 203 cơ sở (*tỉ lệ 4,5%*) nhưng không xử lý, chỉ nhắc nhở. Công tác kiểm tra ở tuyến xã đã được duy trì; tuy nhiên, việc xử lý phạt tiền đối với cơ sở vi phạm ở tuyến xã chưa được thực hiện; các đoàn kiểm tra chỉ nhắc nhở, hướng dẫn cơ sở thực hiện đúng các quy định là chủ yếu.

Bảng 3. Tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra

STT	Tuyến	Tổng số đoàn	Đoàn liên ngành	Đoàn chuyên ngành
1	Xã	516	482	34
2	Huyện	46	42	4
3	Tỉnh	19	9	10
Cộng		581	533	48

Bảng 4. Kết quả thanh tra, kiểm tra đoàn liên ngành và chuyên ngành

STT	Cơ sở thực phẩm	Số cơ sở được kiểm tra, thanh tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ (%)
1.	Sản xuất, chế biến	382	352	92,1
2.	Kinh doanh thực phẩm	1.759	1.727	98,2
3.	Dịch vụ ăn uống	3.805	3.563	93,6
Cộng (1+2+3)		5.946	5.642	94,9

4.	Cơ sở vi phạm	304
5.	Xử lý	65
	Cơ sở bị cảnh cáo	0
	Cơ sở bị phạt tiền Số tiền	65 232.600.000 đồng
	Cơ sở bị hủy SP	0
	Cơ sở bị đóng cửa	0
	Khác (nhắc nhở)	239

Trong năm 2019, toàn tỉnh đã tổ chức 581 đoàn thanh tra, kiểm tra, tiến hành thanh kiểm tra 5.946 cơ sở; kết quả, có 5.642 cơ sở đạt (*tỉ lệ 94,9%*), có 304 cơ sở vi phạm (*tỉ lệ 5,1%*), trong đó số cơ sở vi phạm bị xử lý là 65 cơ sở với số tiền phạt 232.600.000 đồng, 239 cơ sở cơ sở vi phạm bị nhắc nhở (*không phạt tiền*).

5. Hoạt động tuyên truyền giáo dục

- Ngành Y tế thường xuyên tổ chức các chiến dịch truyền thông về ATTP trong năm và tăng cường vào các dịp Tết Nguyên đán, “Tháng hành động vì ATTP”, “Tết Trung thu”, mùa Lễ hội...; công tác tuyên truyền diễn ra với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

- Phối hợp tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ và phát động “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019 với số lượng hơn 200 người tham dự là đại diện lãnh đạo của UBND cấp tỉnh, huyện, các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể, lãnh đạo các Trung tâm Y tế, Phòng Y tế, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh; kết hợp tổ chức xe loa tuyên truyền tại thành phố Quy Nhơn và các huyện Tuy Phước, An Nhơn, Tây Sơn.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định tổ chức 01 buổi tư vấn sức khỏe trực tiếp trên sóng truyền hình về vấn đề bảo đảm ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi.

- Phối hợp với Viện Pasteur Nha Trang tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực công tác bảo đảm ATTP cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện và tổ chức 01 lớp tập huấn cấp chứng chỉ lấy mẫu thực phẩm cho 39 học viên là cán bộ, công chức làm công tác bảo đảm ATTP tuyến tỉnh, huyện.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học Công báo Văn phòng UBND tỉnh tổ chức buổi giao lưu trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh với chủ đề: “Bảo đảm ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và mùa Lễ hội Xuân năm 2020”.

- Tuyên huyện, xã: 11/11 huyện có tổ chức Lễ phát động hoặc Hội nghị triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” kết hợp tổ chức xe loa cổ động qua các trục đường chính trên địa bàn; tại tuyến xã cũng tổ chức thường xuyên các hoạt động truyền thông giáo dục về bảo đảm ATTP với nhiều hình thức.

Bảng 5. Tuyên truyền giáo dục

TT	Hoạt động	Đơn vị tính	Tuyên xã	Tuyên huyện	Tuyên tỉnh	Tổng cộng
1	Lễ phát động	Buổi	0	10	1	11
		Người dự	0	1.386	200	1.586
2	Nói chuyện chuyên đề	Buổi	521	40	0	561
		Người nghe	3.250	920	0	4.170
3	Tập huấn kiến thức về ATTP	Lớp	18	22	5	45
		Học viên	917	900	350	2.167
4	Hội thảo	Buổi/ người dự	162/1.159	22/660	4/200	188/2.019
5	Phát thanh	Bài/Lượt phát	3/3.780	3/420	0	6/4.200
6	Truyền hình	Lượt phát	0	0	4/80	4/80
7	Băng rôn	Cái	200	185	101	486
8	Ap phích	Tờ	1	150	1.500	1.651
9	Tờ rơi, tờ gấp	Tờ	320	1.545	13.375	15.240
10	Pa-nô	Cái	0	6	6	12
11	Băng, đĩa	Cái	0	0	1	1
12	Khác		0	0	0	0

6. Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm (Số liệu tại Phụ lục 1 kèm theo)

a) Công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm:

- Tuyên tỉnh: Đã thực hiện Kế hoạch Giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm với tổng số mẫu giám sát là 860 mẫu thực phẩm gồm: Thịt chế biến sẵn ăn ngay, giò/chả thịt lợn hoặc bò, rau sống ăn ngay, suất ăn sẵn, bún ướt/bánh phở/bánh canh; trong đó, xét nghiệm tại labo 60 mẫu, xét nghiệm nhanh 800 mẫu, kết quả có 55 mẫu không đạt (*tỉ lệ 6,4%*). Đối với các cơ sở có mẫu giám sát không đạt, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm đã có văn bản gửi Phòng Y tế tuyến huyện đề nghị kiểm tra công tác đảm bảo ATTP tại cơ sở thuộc địa bàn quản lý và tiến hành xử lý nếu phát hiện có vi phạm. Ngoài ra, đã thực hiện 02 đợt giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm theo chuyên đề, tổng số mẫu lấy xét nghiệm tại labo là 85 mẫu (*gồm 18 mẫu nước đá dùng liền, 17 mẫu nước uống đóng chai, 15 mẫu nước khoáng thiên nhiên, 16 mẫu phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và 19 mẫu thuộc nhóm thực phẩm tăng cường vi chất, bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm dinh dưỡng*) với 275 chỉ tiêu xét nghiệm, trong đó vi sinh vật 215 chỉ tiêu và hóa lý 60 chỉ tiêu; kết quả có 10 mẫu không đạt chỉ tiêu vi sinh

vật, tỉ lệ 11,8%. Thực hiện xét nghiệm nhanh hóa lý 75 mẫu khi giám sát tại các nơi tổ chức hội nghị, lễ hội lớn của tỉnh, kết quả dương tính 05 mẫu (tỷ lệ 6,7%); với các mẫu dương tính, đoàn giám sát đã yêu cầu cơ sở hủy bỏ tại chỗ, không sử dụng cho các bữa ăn.

- Tuyến huyện: Trung tâm Y tế các huyện đã giám sát mỗi nguy ô nhiễm thực phẩm với 761 mẫu gồm: Thịt/cá chế biến sẵn ăn ngay, giò/chả thịt lợn hoặc bò, rau củ, bún ướt/bánh phở/bánh canh, dầu mỡ đã chiên rán, rượu. Kết quả có 17 mẫu không đạt, tỷ lệ 2,2%.

b) Công tác giám sát, hướng dẫn chuyên môn tuyến dưới và giám sát cơ sở thực hiện các điều kiện ATTP:

- Tuyến tỉnh: Đã thực hiện 03 đợt giám sát công tác bảo đảm ATTP tại 55 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch.

- Tuyến huyện: 11/11 huyện đã lập kế hoạch bảo đảm ATTP năm 2019 và thực hiện theo từng mục tiêu cụ thể, thực hiện ghi chép theo dõi, cập nhật hồ sơ quản lý cơ sở theo phân cấp. Công tác theo dõi ngộ độc thực phẩm (NĐTP), báo cáo NĐTP, báo cáo tháng được theo dõi thường xuyên và báo cáo cho tuyến trên tương đối đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2019, có 11/11 huyện đã thực hiện giám sát cơ sở thực phẩm, tổng số cơ sở được giám sát là 4.768 cơ sở (tuyến huyện 1.748 cơ sở, tuyến xã 3.020 cơ sở), kết quả có 4.085 cơ sở đạt các chỉ tiêu giám sát (tỷ lệ 85,7%), 683 cơ sở có vi phạm được nhắc nhở và yêu cầu khắc phục.

c) Tình hình ngộ độc thực phẩm:

Trong năm 2019, công tác phòng chống NĐTP đã được triển khai với nhiều biện pháp như: Giám sát mỗi nguy ô nhiễm thực phẩm ở tuyến tỉnh và huyện để cảnh báo sớm về nguy cơ NĐTP; công tác giám sát hướng dẫn các cơ sở thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP ở cả tuyến tỉnh, huyện và xã; công tác tuyên truyền được triển khai bằng nhiều hình thức ở các cấp; công tác thanh, kiểm tra ATTP cũng được tăng cường.

Toàn tỉnh đã xảy ra 03 vụ NĐTP với 58 cas mắc (01 vụ tại Nhà hàng Cây cau, thôn Lý Hương, Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn với 14 cas mắc; 01 vụ tại nhà dân ở Thôn Trung Bình, xã Mỹ Chánh Tây, huyện Phù Mỹ với 04 cas mắc; 01 vụ tại nhà ăn Công ty TNHH May Hoài Sơn, Hoài Nhơn với 40 cas mắc). Không có tử vong do ngộ độc thực phẩm. Tỉ lệ ca NĐTP là 3,8/100.000 dân.

7. Công tác xây dựng mô hình điểm (Số liệu tại Phụ lục 2 kèm theo)

- Có 11 huyện đã xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, trong đó có 10 mô hình thức ăn đường phố và 01 mô hình dịch vụ nấu ăn lưu động.

- Công tác tuyên truyền, tư vấn hướng dẫn, phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP được qua n tâm, đẩy mạnh; công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật tại các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố đã được tăng cường, nhờ đó đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức

và thực hành của phần lớn người kinh doanh thức ăn đường phố; điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, điều kiện về nguyên liệu chế biến thực phẩm... đã được cải thiện rõ rệt, về cơ bản đạt được trên 85% các tiêu chí đề ra trong quá trình kiểm soát ATTP đối với kinh doanh thức ăn đường phố.

+ Đầu kỳ, tỷ lệ số cơ sở đạt 10 tiêu chí thức ăn đường phố thấp, trong đó, tỷ lệ cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố có nhân viên được khám sức khỏe định kỳ chỉ đạt 14%, được xác nhận kiến thức về ATTP 14%; có sổ sách ghi chép nguồn gốc thực phẩm 8%; có dụng cụ xúc, gấp thực phẩm sạch sẽ hoặc găng tay sử dụng một lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn chín 69%; có trang bị dụng cụ chứa đựng chất thải, rác thải kín hợp vệ sinh đạt 65%.

+ Cuối kỳ, tỷ lệ số cơ sở đạt 10 tiêu chí thức ăn đường phố đã được tăng cao, trong đó, tỷ lệ cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố có nhân viên được khám sức khỏe đạt 98%, được xác nhận kiến thức về ATTP 98%; có nơi kinh doanh sạch sẽ, cách biệt nguồn ô nhiễm và bày bán thức ăn trên bàn/giá cao cách mặt đất ít nhất 60cm đạt 96%; có sổ sách ghi chép nguồn gốc thực phẩm đạt 87%; có dụng cụ xúc, gấp thực phẩm sạch sẽ hoặc găng tay sử dụng một lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn chín 91%; có trang bị dụng cụ chứa đựng chất thải, rác thải kín hợp vệ sinh đạt 94%...

- Không có vụ NĐTP do thức ăn đường phố xảy ra trên địa bàn xã trong thời gian triển khai mô hình.

8. Công tác bảo đảm ATTP tại các sự kiện, lễ hội lớn của tỉnh

Tổ chức hướng dẫn việc bảo đảm ATTP tại các sự kiện, lễ hội lớn của tỉnh khi có yêu cầu như: Lễ kỷ niệm 230 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, Hội nghị Phát triển kinh tế miền Trung, Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ III, Liên hoan Văn hóa công nghệ các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ I, các Hội chợ thương mại được tổ chức tại Bình Định... Tất cả các bữa ăn tại nơi diễn ra sự kiện đều bảo đảm an toàn.

9. Công tác tăng cường năng lực kiểm nghiệm thực phẩm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đã triển khai các nội dung như: Chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm; mua chất chuẩn, chủng chuẩn theo quy định; hiệu chuẩn các loại trang thiết bị; mua hóa chất môi trường dùng kiểm nghiệm; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị, mua vật tư; thực hiện nội kiểm và tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo, liên phòng; đăng ký đánh giá lại theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 phiên bản 2017; đã hoàn thành các báo cáo khắc phục sai sót hệ thống của đoàn chuyên gia và chờ cấp giấy chứng nhận hệ thống kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 phiên bản 2017.

10. Kinh phí

- Ngân sách được cấp từ Dự án ATTP thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số: 1.580.000.000 đồng.

- Ngân sách địa phương: 135.000.000 đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DỰ ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

Bảng 6. Thực hiện chỉ tiêu các hoạt động thuộc dự án bảo đảm ATTP

	Nội dung	Chỉ tiêu 2019	Thực hiện
1	Hoạt động phòng chống NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm		
1.1	Tỷ lệ ca NĐTP/100.000 người dân trong các vụ NĐTP được báo cáo	≤ 7	3,8
1.2	Tỷ lệ các cơ sở tuyến tỉnh thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	90%	95,2%
1.3	Tỷ lệ cơ sở tuyến huyện thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	75%	67,6%
1.4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được thanh, kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP	80%	94,9%
2	Hoạt động Nâng cao năng lực quản lý và truyền thông ATTP		
2.1	Tỷ lệ cán bộ quản lý về ATTP tại tuyến tỉnh, huyện được cập nhật văn bản và kiến thức về ATTP thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn, các buổi sinh hoạt Đảng	100%	100%
2.2	Tỷ lệ cán bộ quản lý về ATTP tuyến tỉnh được cập nhật văn bản và kiến thức về ATTP thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn do trung ương tổ chức.	30%	30%
2.3	Tỷ lệ các huyện, thị, thành phố được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các hoạt động về ATTP	100%	100%
2.4	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các hoạt động về ATTP	80%	85%
2.5	Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có kiến thức về ATTP	80%	84%
2.6	Tỷ lệ người quản lý có kiến thức về ATTP	90%	92%
2.7	Tỷ lệ người tiêu dùng có kiến thức và hiểu biết đúng về ATTP	80%	85%
2.8	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn tổ chức hoạt động tuyên truyền ATTP	100%	100%
3	Hoạt động tăng cường năng lực kiểm nghiệm thực phẩm cho Trung tâm Y tế dự phòng để tiến đến đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005		
	Duy trì và mở rộng thêm chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025:2017; được Cục An toàn thực phẩm chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực An toàn thực phẩm.	Hoàn thiện	Đang hoàn thiện

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Có sự phối hợp đồng bộ của các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng dân cư trong công tác bảo đảm ATTP nên các hoạt động bảo đảm ATTP ở các địa phương trong tỉnh đã đạt được những kết quả cao, góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về ATTP ngày càng được chú trọng. Hoạt động truyền thông được đa dạng hoá với nhiều hình thức, xây dựng các thông điệp, sản xuất tài liệu truyền thông phù hợp với từng đối tượng; kết hợp huy động các kênh truyền thông, các ban ngành, đoàn thể tham gia công tác truyền thông giáo dục về ATTP và phát huy vai trò của hệ thống phát thanh tuyến xã, tăng cường truyền thông trực tiếp, hướng dẫn thực tế tại các cơ sở thực phẩm đã góp phần tác động lớn đến nhận thức của chủ cơ sở, người quản lý, người trực tiếp tham gia vào sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra ATTP trên địa bàn tỉnh cũng được tăng cường, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm. Đa số các cơ sở được kiểm tra đều đảm bảo các điều kiện ATTP theo quy định: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thường xuyên vệ sinh cơ sở, người lao động tại các cơ sở được khám sức khỏe và xác nhận kiến thức về ATTP định kỳ, được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và thực hành ATTP đúng theo quy định; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống sử dụng nguồn nước đảm bảo ATTP và được kiểm nghiệm định kỳ theo quy định, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng.

- Công tác bảo đảm ATTP trong ăn uống, thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể, nhất là tại các khu công nghiệp, khu du lịch, lễ hội, sự kiện lớn tiếp tục được chú trọng.

Những kết quả đạt được đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý ATTP, kiểm soát chất lượng vệ sinh ATTP từ sản xuất đến tiêu thụ, kịp thời cảnh báo, tạo điều kiện để người tiêu dùng có cơ hội lựa chọn những sản phẩm an toàn; nâng cao ý thức chấp hành các quy định về ATTP của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần răn đe, ngăn chặn các đối tượng vì lợi nhuận mà cố tình vi phạm các quy định về ATTP.

2. Một số khó khăn, tồn tại

- Kinh phí, nhân lực bố trí cho công tác quản lý ATTP, nhất là công tác kiểm tra ATTP của một số huyện chưa đầy đủ nên việc triển khai công tác này chưa thường xuyên, nhiều cơ sở vi phạm điều kiện bảo đảm ATTP chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Quy mô sản xuất, kinh doanh của nhiều cơ sở trên địa bàn tỉnh còn theo mùa vụ, nhỏ lẻ, hộ gia đình, ý thức chấp hành các quy định của nhà nước về

ATTP của một số cơ sở chưa tốt, vẫn còn tình trạng né tránh, đối phó với các đoàn kiểm tra và cơ quan quản lý nhà nước về ATTP.

- Việc xử lý các vi phạm về ATTP đối với cơ sở nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố của UBND cấp xã chưa nghiêm, hình thức chủ yếu là nhắc nhở nên chưa tạo được ý thức chấp hành pháp luật của loại hình cơ sở này.

- Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP ở tuyến huyện chưa cao, không đạt chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch.

- Công tác báo cáo định kỳ, đột xuất về việc bảo đảm ATTP của tuyến huyện chưa thực hiện tốt, nhất là báo cáo tháng, báo cáo việc thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Phần II.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. VỀ TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI

- Tiếp tục củng cố và kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP các tuyến theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Hệ thống quản lý:

- + Tuyến tỉnh: Tiếp tục kiện toàn Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tại tỉnh về số lượng, chất lượng.

- + Tuyến huyện: Nâng cao năng lực của cán bộ Phòng Y tế nhằm giúp UBND cấp huyện thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về ATTP và công tác kiểm tra ATTP trên địa bàn quản lý.

- + Tuyến xã: Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Trạm Y tế nhằm giúp UBND cấp xã thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về ATTP và công tác kiểm tra ATTP trên địa bàn quản lý.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

(1) Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm (NĐTP) tập thể từ 30 người mắc/vụ trong năm; tỷ lệ mắc NĐTP cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 7 người/100.000 dân.

(2) Tăng cường năng lực kiểm nghiệm cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn và duy trì chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

(3) 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, 90% người quản lý, 80% người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về ATTP.

(4) Đến hết năm 2020: Có trên 90% cơ sở tuyến tỉnh, 75% cơ sở tuyến huyện thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; 100% cơ sở thuộc diện không cấp giấy chứng nhận được thống kê danh sách, phân cấp quản lý.

(5) 100% hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đăng ký bản công bố sản phẩm và quảng cáo thực phẩm được tiếp nhận và xử lý theo đúng quy trình, thủ tục.

(6) Trên 90% cơ sở thực phẩm trên địa bàn tỉnh được thanh tra, kiểm tra ít nhất 1 lần/năm và có trên 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoạt động truyền thông về an toàn thực phẩm

- Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông giáo dục về ATTP, coi đây là hoạt động chính trong công tác bảo đảm ATTP, được triển khai thường xuyên, liên tục; triển khai các mô hình điểm về ATTP trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp truyền thông trong cộng đồng, tuyên truyền cho người dân tuyệt đối không sử dụng các loại thực phẩm lạ tự đánh bắt, hái lượm như các loại cá, ốc, nấm lạ...

- Tiếp tục thực hiện đánh giá kiến thức, thực hành về ATTP của người sản xuất, chế biến, người kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng và người quản lý.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo duy trì việc triển khai các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP.

- Tiến hành tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATTP theo chế độ kiểm tra định kỳ thường xuyên và đột xuất theo quy định. Tăng cường kiểm tra hậu kiểm, tập trung thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

- Tăng cường phối hợp các cơ quan quản lý ATTP có liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các sai phạm về ATTP.

3. Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm

Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống NDTP, thông qua các hoạt động như: Thực hiện kế hoạch giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm; giám sát việc thực hiện các quy định về điều kiện ATTP của các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, kinh doanh thức ăn đường phố, dịch vụ nấu ăn lưu động; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về điều tra giám sát, xử lý vụ NDTP cho cán bộ chuyên trách ATTP tuyến huyện; xây dựng cơ sở dữ liệu NDTP, phối hợp triển khai nổi mạng thông tin về NDTP và nguy cơ mất ATTP trên địa bàn.

4. Công tác quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm

- Tiếp tục tăng cường sự phối hợp liên ngành và phối hợp với các địa phương trong triển khai thực hiện công tác quản lý ATTP.

- Tiếp tục theo dõi, quản lý tất cả các cơ sở thực phẩm trên địa bàn theo từng loại hình theo thẩm quyền quản lý và hướng dẫn thực hiện, quản lý việc tiếp nhận đăng ký công bố, tự công bố sản phẩm và quảng cáo thực phẩm.

- Đẩy mạnh hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo đúng chức năng và thẩm quyền; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố theo phân công, phân cấp.

5. Xây dựng, áp dụng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Hỗ trợ xây dựng, áp dụng một số mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể, dịch vụ nấu ăn lưu động tại một số địa phương; tiếp tục hỗ trợ các địa phương đã triển khai mô hình điểm thức ăn đường phố, dịch vụ nấu ăn lưu động; tăng cường giám sát ATTP nhằm duy trì việc bảo đảm ATTP.

6. Tăng cường năng lực kiểm nghiệm thực phẩm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp tục duy trì và mở rộng thêm chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 để phục vụ công tác quản lý ATTP và phòng chống NDTP.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Từ kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được phân bổ cho ngành Y tế năm 2020.

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Phòng Y tế và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch công tác và triển khai, thực hiện các hoạt động phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị.

2. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế tập trung các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về ATTP; truyền thông ATTP, phòng chống NDTP.

- Củng cố mạng lưới giám sát NDTP, phối hợp với giám sát dịch bệnh, giám sát giữa các tuyến để đảm bảo phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp NDTP.

- Tăng cường công tác kiểm tra về ATTP; xử lý, kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc đối tượng cấp.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, hướng dẫn cho tuyến xã về công tác kiểm tra ATTP, quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo thẩm quyền.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

- Cục An toàn thực phẩm tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị chuyên môn của tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATTP.

- Tăng đầu tư kinh phí, trang thiết bị đo kiểm lưu động, tài liệu truyền thông để hỗ trợ cho công tác bảo đảm ATTP.

2. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Bố trí thêm kinh phí cho hoạt động quản lý ATTP ở địa phương, nhất là công tác kiểm tra ATTP.

- Kiện toàn kịp thời Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP tuyên huyện và tuyến xã theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Ban chỉ đạo phải có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên.

- Tăng cường công tác quản lý ATTP trên địa bàn, nhất là quản lý đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh đã được phân công, phân cấp.

- Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về ATTP, kiểm tra cơ sở nhằm kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về ATTP, yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cơ sở vi phạm trên địa bàn mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Viện Pasteur Nha Trang;
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Chi cục ATVSTP;
- TT Kiểm soát bệnh tật;
- Phòng Y tế các huyện, tx, tp;
- TTYT các huyện, tx, tp;
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Trung

Phụ lục 1. KẾT QUẢ GIÁM SÁT MÔI NGUY Ô NHIỄM THỰC PHẨM
BẢNG 1. KẾT QUẢ GIÁM SÁT MÔI NGUY Ô NHIỄM THỰC PHẨM TUYẾN TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số 17 /BC-SYT ngày 15 /01/2020 của Sở Y tế Bình Định)

T T	Tên thực phẩm giám sát	SL mẫu	SL mẫu ko đạt	Kết quả giám sát các chỉ tiêu kiểm nghiệm																	
				Coliforms		E.coli		Salmonella		Thuốc trừ sâu		Nitrat		Phẩm màu		Hàn the		Formol		Hypochlodrid	
				Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt
1	Thịt chế biến sẵn ăn ngay	115	1	15	1	15	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
2	Giò, chả thịt lợn hoặc bò	215	29	0	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	23	100	6	0	0
3	Rau sống ăn ngày	215	10	15	10	0	0	15	0	100	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Xuất ăn sẵn	15	6	15	6	15	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Bún tươi, phở tươi, bánh canh	300	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	4	100	5	100	0
	Tổng cộng	860	55	45	17	45	3	15	0	100	0	100	0	100	0	200	27	200	11	100	0

BẢNG 2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT MÔI NGUY Ô NHIỄM THỰC PHẨM TUYỂN HUYỆN

Tên mẫu giám sát	Chỉ tiêu	Tổng số mẫu giám sát	Tổng số mẫu ko đạt	Quy Nhơn		Tuy Phước		Vân Canh		An Nhơn		Phù Cát		Phù Mỹ		Hoài Nhơn		Hoài Ân		An Lão		Tây Sơn		Vĩnh Thạnh	
				Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt	Số mẫu	Ko đạt
Thịt chế biến sẵn ăn ngay	Hàn the	0																							
	Phẩm màu	25		11								5						5				4			
Bún, bánh phở, bánh canh, mỳ quảng...	Hàn the	113		10		83						5						5						10	
	Formol	133		5		83				35		5						5							
Chả lụa, chả bò, chả cá...	Hàn the	253	14	5		22				20		10				100	14	5				81		10	
	Formol	52		5		22						10						5				10			
Dầu mỡ đã chiên	Độ ôi khét	23	1	10	1							5						5				3			
Rượu	Methanol	64								9				30								5		20	
Rau, củ	Thuốc trừ sâu	50	2							10		5				30	2	5							
Nước uống	Nitrit	28								28															
Khác		20				1				5												4		10	
Tổng		761	17	46	1	211	0	0		107	0	45	0	30	0	130	16	35	0	0		107	0	50	0

**BẢNG 3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT, HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN TUYỂN XÃ
VÀ GIÁM SÁT CƠ SỞ THỰC PHẨM CỦA TUYỂN HUYỆN**

TT	Nội dung	Quy Nhơn		Tuy Phước		Vân Canh		An Nhơn		Phù Cát		Phù Mỹ		Hoài Nhơn		Hoài Ân		An Lão		Tây Sơn		Vinh Thạnh			
1	Giám sát hướng dẫn chuyên môn tuyển xã	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không		
1.1	VB chỉ đạo, thực hiện	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.2	KH triển khai THĐ	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		17/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.3	Công tác truyền thông	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.4	Kiểm tra, giám sát CS	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
1.5	Có thành lập BCD	21/21		13/13		7/7		15/15		18/18		19/19		17/17		15/15		10/10		15/15		9/9			
2	Kết quả giám sát CS	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tuyển xã	Tuyển huyện	Tổng tuyển xã	Tổng tuyển huyện
2.1	Số CS kiểm tra	343	274	186	160	114	20	412	180	93	54	366	228	526	372	271	90	126	95	497	244	86	31	3.020	1.748
2.2	Số CS đạt	220	202	144	119	97	16	412	180	63	35	290	179	484	281	271	90	80	69	492	244	86	31	2.639	1.446
2.3	Tỷ lệ đạt (%)	64.1	73.7	77.4	74.4	85.1	80.0	100	100	67.7	64.8	79.2	78.5	92.0	75.5	100	100	63.5	72.6	99	100	100	100	87,4	82,7
2.4	Số CS vi phạm:	123	72	42	41	17	4	0	0	30	19	76	49	42	91	0	0	46	26	5	0	0	0	381	302
	Số CS chỉ nhắc nhở và yêu cầu khắc phục theo thời gian trong biên bản	123	72	0	12	14	4	0	0	30	19	76	49	42	76	0	0	46	26	5	0	1	69	337	327
	Số CS không khắc phục và đã đề xuất kiểm tra, xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số CS không yêu cầu khắc phục, xử lý	0	0	42	53	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	69	48	122

**Phụ lục 2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH ĐIỂM ĐẢM BẢO ATVSTP
ĐỐI VỚI LOẠI HÌNH KINH DOANH THỨC ĂN ĐƯỜNG PHỐ CỦA TUYẾN HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số 17 /BC-SYT ngày 15 /01/2020 của Sở Y tế Bình Định)

T T	Hoạt động		Đơn vị thực hiện											Tổng cộng
			Quy Nhơn	An Nhơn	Tuy Phước	Vân Canh	Phù Mỹ	Phù Cát	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Hoài Nhơn	Hoài Ân	An Lão	
1	Thông tin tuyên truyền													
1.1	Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền	Băng ron	0	5	4	0	0	0	0	0	17	0	9	35
		Tờ rơi, áp phích	290	250	1.076	120	130	210	120	90	0	470	200	2.956
		Xe loa cổ động	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Pano/Phát thanh	0	0	1	29	1	1	0	1	0	1	1	35
1.2	Tổ chức Hội nghị triển khai đề phổ biến kế hoạch	Lớp	1	1	2	1	1	1	1	2	1	1	2	14
		Người	56	55	114	50	36	31	25	63	56	35	71	592
1.3	Tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lý tuyến xã	Lớp	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11
		Học viên	56	55	54	50	36	27	30	27	51	31	29	446
1.4	Tập huấn kiến thức ATTP	Lớp	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2		18
		Người	120	81	84	59	90	90	80	90	89	80	54	917
1.5	Tổ chức khám sức khỏe	Người	82	80	84	59	90	90	80	90	89	80	52	876
1.6	Tư vấn cho các cơ sở KD TẮDP	Cơ sở	58	89	84	59	60	45	40	45	100	40	52	672
1.7	Tổ chức ký cam kết đảm bảo ATTP	Cơ sở	58	80	84	59	60	45	40	45		40	52	563
2	Giám sát, hướng dẫn, kiểm tra cơ sở:													
2.1	Số cơ sở TẮDP		58	92	84	145	60	45	40	45	100	40	52	761
2.2	Số cơ sở được GS, KT		58	92	84	125	60	45	40	45	100	40	52	741
2.3	Số CS đạt		40	81	84	95	52	40	40	40	100	40	52	664
	Tỷ lệ CS đạt (%)		69.0	88.0	100	76	86.7	88.9	100	88.9	100	100	100	89,6
2.4	Số CS vi phạm, trong đó:					30	8	5	0	5	0	0	0	48
	Số cơ bị xử phạt													0
	Số cơ sở chỉ nhắc nhở và yêu cầu khắc phục theo thời gian ghi trong biên bản.		18	11	0	30	8	5	0	5	0	0	0	77

	Số cơ sở không khắc phục và đã đề xuất kiểm tra, xử lý																								0		
	Số cơ sở không yêu cầu khắc phục, xử lý																								0		
3	Kết quả, điều tra, đánh giá 10 tiêu chí (Tỷ lệ %)	Đầu kỳ	Cuối kỳ	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	ĐK	CK	Trung bình ĐK (%)	Trung bình CK (%)
3.1	1. Nơi kinh doanh phải sạch, cách biệt nguồn ô nhiễm (cống rãnh, rác thải, công trình vệ sinh, nơi bày bán gia súc, gia cầm...).	82	89	78	100	71	92	94	98	100	100	75	91	97	100	75	100	42	81	100	100	100	100	100	100	83	96
3.2	2. Bày bán thức ăn trên bàn/giá cao cách mặt đất ít nhất 60 cm.	79	86	84	100	68	90	100	100	95	98	80	91	90	97	88	100	82	100	75	100	86	94	100	100	84	96
3.3	3. Thức ăn được che đậy, bảo quản hợp vệ sinh, chống được ruồi, bụi bẩn, mưa, nắng và các loài côn trùng, động vật khác.	70	93	66	95	65	95	86	93	78	100	71	89	100	97	84	93	91	100	100	100	100	100	100	100	83	96
3.4	4. Không để lẫn giữa thực phẩm sống và thức ăn chín.	79	93	84	100	76	88	98	100	81	100	82	93	100	100	75	97	58	86	100	100	100	100	100	100	85	96
3.5	5. Có dụng cụ xúc, gắp thực phẩm sạch sẽ/găng tay sử dụng 1 lần khi tiếp xúc trực tiếp với thức ăn chín.	37	95	76	93	71	92	79	89	80	96	66	93	92	97	80	93	19	53	76	100	88	100	100	100	69	91
3.6	6. Bảo đảm có đủ nước và nước đá sạch phù hợp với quy định.	41	100	76	100	89	100	61	91	91	96	100	100	100	100	100	100	81	99	92	100	100	100	100	100	85	99
3.7	7. Người kinh doanh TÁĐP phải được khám sức khỏe.	0	100	32	97	10	100	33	94	0	100	22	100	10	100	0	100	27	91	12	100	11	92	100	100	14	98
3.8	8. Người kinh doanh thức ăn đường phố phải được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm.	0	100	46	88	10	100	22	98	0	100	22	100	22	100	0	100	13	92	5	100	9	100	100	100	14	98
3.9	9. Có sổ sách ghi chép nguồn gốc thực phẩm.	0	100	22	92	3	93	16	91	0	88	9	86	5	92	13	88	1	42	12	87	7	100	100	100	8	87
3.10	10. Có đủ dụng cụ, túi đựng chất thải, rác thải kín và hộp vệ sinh.	14	91	53	98	60	95	100	100	75	96	62	93	62	97	71	100	23	69	100	100	100	100	100	100	65	94
4	Kết quả điều tra kiến thức, thực hành của Chủ cơ sở	Quy Nhơn		An Nhơn		Tuy Phước		Vân Canh		Phù Mỹ		Phù Cát		Tây Sơn		Vĩnh Thạnh		Hoài Nhơn		Hoài Ân		An Lão					
4.1	Tổng số người	58		92		84		59		60		45		40		45		100		40		52				675	
4.2	Số đạt kiến thức	53		82		84		59		52		42		40		45		89		40		52				638	
	Tỷ lệ đạt (%)	91.4		89.1		100		100		86.7		93		100		100		89		100		100				95,4 %	
4.3	Số đạt thực hành	53		85		84		59		55		42		40		40		59		40		52				609	
	Tỷ lệ đạt (%)	91.4		92.4		100		100		91.7		93.3		100		88.9		59.0		100		100				92,4 %	